

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Vững

2. Ông Đoàn Khánh Vận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2026/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi P, sinh năm 1975. Số CCCD: 015175006047.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bàn Thừa Á, sinh năm 1979. Số CCCD: 015079003419.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Mùi P trình bày: Tôi và anh Bàn Thừa Á tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/1993 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và anh Bàn Thừa Á không phải là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bàn Thừa Á trình bày: Tôi và chị Triệu M Phạm tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/1993 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân nhau

không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị P đề nghị Tòa án tuyên bố chị P và tôi không phải là vợ chồng. Tôi đồng ý.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Mùi P, không công nhận bà Triệu Mùi P và ông Bàn Thừa Á là vợ chồng.

Về án phí: Bà Triệu Mùi P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn; bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Mùi P và anh Bàn Thừa Á tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 9 năm 1993 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Chị P cho rằng sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chị P và anh Á đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Chị P xác định không còn tình cảm với anh Á nữa và đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh Á không phải là vợ chồng. Anh Á đồng ý.

Để góp phần xây dựng hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật hôn nhân gia đình quy định: “Việc đăng ký kết hôn phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...” và “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này chị Triệu Mùi P và anh

Bàn Thừa Á chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Như vậy cần áp dụng những quy định trên để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi P và anh Bàn Thừa Á.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành chị P, anh Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh Á đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa chị Triệu Mùi P nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Triệu Mùi P chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi P và anh Bàn Thừa Á.

2. Về án phí: Chị Triệu Mùi P phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số: 0000448 ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Triệu Mùi P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng